

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:87/2017/DSST
Ngày 19-9-2017
Về “Đòi tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đắc Liệt

2. Ông Võ Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc, thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Toà án nhân dân TP.Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 414/2016/TLST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2016 về đòi tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2017/QĐXX-ST ngày 02 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu T – sinh năm 1967; địa chỉ số 02 đường N, phường M, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thái C – sinh năm 1982; địa chỉ số 55 đường N, phường M, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu là đại diện ủy quyền theo giấy ủy quyền ngày 12 tháng 12 năm 2016 (Có mặt).

- Bị đơn: Bà Phạm Thị Kim N – sinh năm 1956; địa chỉ số 47 đường N, phường M, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Vắng mặt lần 2 không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 09 tháng 11 năm 2016 và quá trình tố tụng tại Tòa, bà Nguyễn Thị Thu T và đại diện hợp pháp của bà T là ông Nguyễn Thái C trình bày: Khoảng tháng 4 năm 2011, bà Nguyễn Thị Thu T và bà Phạm Thị Kim N thỏa thuận miệng với nhau về việc hùn tiền mua 02 lô đất bán đấu giá thuộc khu dân cư cánh đồng Mất Mèo, tọa lạc tại thành phố Bà Rịa. Bà T góp 1/3 số tiền, bà N góp 2/3 số tiền dựa trên giá trúng thầu, bà N là người làm thủ tục đấu thầu, giá trúng

thầu của 02 lô đất 16.005.000.000 đồng. Sau khi trúng thầu do phát sinh tranh chấp giữa hai bên nên hai bên viết giấy cam kết, bà T chuyển toàn bộ tiền vốn góp cho bà N, bà N thanh toán cho bà T tiền vốn góp 867.000.000 đồng, tiền lợi nhuận 1.000.000.000 đồng, tổng số tiền bà N phải thanh toán cho bà T 1.867.000.000 đồng. Bà N đã trả cho bà T 500.000.000 đồng, sau đó không trả nữa. Năm 2013, bà T khởi kiện bà N tại Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu về tranh chấp hợp đồng góp vốn. Tại phiên hòa giải ngày 13-6-2013, bà N và bà T o thỏa thuận, bà N phải trả cho bà T số tiền là 1.000.000.000 đồng, số tiền 367.000.000 đồng bà T trả cho bà N tiền san lấp mặt bằng nên bà N viết giấy cam kết trả làm 02 đợt, đợt 1 vào ngày 15-7-2013 trả số tiền 500.000.000 đồng, đợt 2 vào ngày 15-8-2013 trả số tiền 500.000.000 đồng. Đến ngày 20-9-2014 Tòa mời hòa giải tiếp, hai bên xác nhận bà N đã trả 50.000.000 đồng cho bà T đồng thời bà N viết giấy cam kết xác nhận bà N còn nợ bà T tổng số tiền 950.000.000 đồng. Bà N cam kết trong vòng 3 tháng sẽ trả hết số tiền trên cho bà T, nếu không trả được thì sẽ trả theo lãi suất của ngân hàng nên bà T rút đơn khởi kiện.

Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của bà T yêu cầu buộc bà Phạm Thị Kim N phải trả cho bà T số tiền nợ gốc 950.000.000 (chín trăm năm mươi triệu) đồng, tiền lãi phát sinh từ ngày 20-12-2014 đến ngày 19-9-2017 là 235.125.000 đồng.

- Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa, bà Phạm Thị Kim N trình bày: Thông qua giới thiệu của bà Trần Thị M báo cho bà Phạm Thị Kim N biết, tại thành phố Bà Rịa có bán đấu giá 02 lô đất thuộc khu dân cư cánh đồng Mất Mèo. Theo bà M giá khởi điểm 16.000.000.000 đồng, bà Phạm Thị Kim N và bà Nguyễn Thị Thu T sẽ góp vốn mua đấu giá 02 lô đất này, mỗi người góp 50% dựa trên giá trúng thầu. Việc đấu thầu này chỉ bà N với bà T là người tham gia nên mỗi người phải tự đóng phần tiền theo quy định để được tham gia đấu thầu. Tại buổi đấu giá bà N mới gặp và biết bà T. Bà T nói góp 1/3 số tiền, bà N góp 2/3 dựa trên giá trúng thầu. Ngày 15-5-2011, bà N trúng thầu, theo quy định sau 15 ngày thì bà N phải nộp hết số tiền 16.005.000.000 đồng để Ban đấu giá hoàn tất thủ tục sang tên đất cho bà N. Do bà T không có tiền góp vốn nên nói bà N bán đất lại cho người khác để hưởng hoa hồng. Thực chất không có người mua, bà T yêu cầu rút vốn góp nên hai bên thỏa thuận, bà N trả cho bà T số tiền góp vốn 233.000.000 đồng, tiền lợi nhuận 500.000.000 đồng. Ngày 14-5-2011, bà T nhận số tiền 233.000.000 đồng và viết giấy nhận tiền đưa bà N giữ, đến ngày 20-5-2011 bà N trả cho bà T 500.000.000 đồng do chính bà Trần Thị M nhận, bà M viết xác nhận đã nhận tiền bên dưới tờ giấy biên nhận ngày 14-5-2011, coi như việc góp vốn của bà T là chấm dứt, bà N là người sở hữu 02 lô đất trúng đấu thầu ngày 15-5-2011. Tại thời điểm đó do, nhiều việc nên bà N không nhớ đã thỏa thuận với bà T vào ngày 14-5-2011. Ngày 19-5-2011, bà N viết tiếp giấy cam kết trả lại cho bà T tổng số tiền 1.867.000.000 đồng. Do không thực hiện đúng theo giấy cam kết ngày 19-5-2011, bà T khởi kiện ra Tòa và nội dung tại Tòa đã thỏa thuận do phía bà T trình bày là đúng. Nay bà T yêu cầu bà N phải trả số tiền nợ vốn 950.000.000 đồng cùng tiền lãi phát sinh từ ngày 20-12-2014 đến ngày Tòa xét xử, bà N xác nhận không nợ tiền của bà T nên bà Ngân không đồng ý.

- Tại phiên toà Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:
- + Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và đương sự tuân theo quy định của pháp luật.
- + Tại phiên xét xử: Hội đồng xét xử, thư ký và nguyên đơn tuân theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.
- + Về nội dung: đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thu T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Phạm Thị Kim N trả số tiền nợ chưa thanh toán từ hợp đồng dân sự (góp vốn mua chung đất) theo thỏa thuận miệng giữa hai bên, bà N đang sinh sống tại Vũng Tàu. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bà Phạm Thị Kim N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà N

[2] Về nội dung:

Khoảng tháng 4 năm 2011, bà Nguyễn Thị Thu T và bà Phạm Thị Kim N thỏa thuận miệng với nhau, bà T góp số tiền 1/3, bà N góp số tiền 2/3 dựa trên giá trúng thầu để mua 02 lô đất tại cánh đồng Mất Mèo thành phố Bà Rịa. Ngày 15-5-2011, bà N trúng thầu với số tiền đấu giá 16.005.000.000 đồng. Sau khi trúng thầu phát sinh tranh chấp giữa hai bên. Theo bà N thì bà T yêu cầu bán lại đất trúng thầu để hưởng chênh lệch hoa hồng, bà N không đồng ý nên hai bên thương lượng việc bà T rút vốn, bà N phải trả cho bà T số tiền 233.000.000 đồng vốn góp, 500.000.000 đồng tiền lợi nhuận và bà N đã giao đủ cho bà T toàn bộ số tiền 733.000.000 đồng. Theo bà T, sau khi phát sinh tranh chấp, bà T yêu cầu rút vốn bà N đồng ý nên bà N có trả cho bà T số tiền 500.000.000 đồng. Đến ngày 19-5-2011, bà N mới viết giấy cam kết xác nhận số tiền góp vốn của bà T là 867.000.000 đồng, tiền lợi nhuận 1.000.000.000 đồng tổng số tiền bà N phải trả lại cho bà Thảo 1.867.000.000 đồng. Bà Ngân đã trả 500.000.000 đồng không tiếp tục trả nữa nên bà T khởi kiện ra Tòa. Tại buổi hòa giải ngày 13-6-2013, bà N viết giấy cam kết trả cho bà T số tiền 1.000.000.000 đồng trả làm 02 đợt, đợt 1 trả số tiền 500.000.000 đồng vào ngày 15-7-2013, đợt 2 trả số tiền 500.000.000 đồng vào ngày 15-8-2013, số tiền 367.000.000 đồng bà T trả cho bà N tiền san lấp mặt bằng. Đến ngày 20-9-2014, bà T xác nhận bà N trả cho bà số tiền 50.000.000 đồng đồng thời bà N viết cam kết trả số tiền còn lại 950.000.000 đồng trong vòng

3 tháng nên bà T rút đơn khởi kiện. Nhưng bà N không thực hiện nên dẫn đến tranh chấp tại Tòa ngày hôm nay. Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của bà T yêu cầu Tòa án buộc bà Phạm Thị Kim N trả cho bà T tổng số tiền 1.185.125.000 đồng, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy: Để chứng minh cho yêu cầu của mình, bà Nguyễn Thị Thu T cung cấp Bản cam kết ngày 20-9-2014. Tại phiên hòa giải ngày 26-6-2017, bà N xác nhận bản cam kết ngày 20-9-2014 do chính bà N viết xác nhận còn nợ bà T số tiền 950.000.000 đồng, số tiền này xuất phát từ việc giữa bà với bà T góp vốn mua đất đầu giá tại cánh đồng Mất Mèo thành phố Bà Rịa mà bà N trúng đầu giá vào ngày 15-5-2011. Tuy nhiên bà N không đồng ý trả lại cho bà T là vì bà N cho rằng đã trả xong theo giấy biên nhận ngày 14-5-2011 nhưng việc nài của bà N không có chứng cứ chứng minh, vì nếu đã trả xong thì bà N sẽ không viết giấy cam kết vào ngày 19-5-2011. Hơn nữa từ giấy cam kết ngày 19-5-2011, bà N không thực hiện bà T khởi kiện tại Tòa án nhân dân TP Vũng Tàu năm 2013, quá trình hòa giải tại Tòa bà N viết giấy cam kết ngày 20-9-2014 nên bà T rút đơn khởi kiện. Tại biên bản công khai chứng cứ ngày 26-6-2017, bà N không có ý kiến gì đối với các chứng cứ do bà T cung cấp cũng như không có yêu cầu phản tố. Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự tài liệu do bà T cung cấp là chứng cứ của vụ án nên yêu cầu của bà T đòi bà N phải trả số tiền nợ gốc 950.000.000 (chín trăm năm mươi triệu) đồng và tiền lãi là 235.125.000 đồng ($950.000.000đ \times 9\%/năm \times 33 \text{ tháng}$), tổng số tiền 1.185.125.000 đồng có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu T được chấp nhận nên bà Phạm Thị Kim N phải nộp 47.553.750 đồng được tính như sau: 36.000.000 đồng + $[(1.185.125.000 \text{ đồng} - 800.000.000đ) \times 3\%] = 47.553.750$ đồng. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị Thu T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 91, Điều 95 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 119 và khoản 2 Điều 512 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu T đối với bà Phạm Thị Kim N.

Buộc bà Phạm Thị Kim N phải trả cho bà Nguyễn Thị Thu T số tiền 1.185.125.000 đồng (Một tỷ một trăm tám mươi lăm triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Phạm Thị Kim N phải nộp 47.553.750đ (Bốn mươi bảy triệu năm trăm năm mươi ba ngàn bảy trăm năm mươi đồng).

- Hoàn số tiền 20.250.000đ (Hai mươi triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) cho bà Nguyễn Thị Thu T theo Biên lai thu tạm ứng số 01709 ngày 18-11-2016 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt quyền kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết công khai.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh BR-VT ;
- Viện kiểm sát ND TP. Vũng Tàu;
- Thi hành án dân sự TP. Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thanh Trúc

